

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG BÚK
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 30 - 8 - 2024

V/v tranh chấp hôn nhân và gia
đình.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÚK, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông **Trương Văn Chinh**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Vũ Công Đạt**

2. Ông **Y Mung Niê**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Quốc Đạt** - Thư ký Tòa án Toà án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên toà: Ông **Y Đum Kpă** – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 131/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 08 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2024/QĐXX-ST ngày 16 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Thôn C, xã C, huyện K, tỉnh Đ. Có mặt

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1980;

Địa chỉ: Thôn C, xã C, huyện K, tỉnh Đ. Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 02/08/2024 và các lời khai có trong hồ sơ vụ án cũng như biên bản hòa giải, nguyên đơn anh Nguyễn Văn H trình bày:

Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị H1 chung sống với nhau vào năm 2000 tại xã C, huyện K nhưng không có đăng ký kết hôn, hai bên gia đình có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến đầu năm 2022 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị H1 không hợp nhau trong cuộc sống, bất đồng quan điểm nên hay xảy ra va chạm cãi nhau, mâu thuẫn kéo dài không thể khắc phục, mặc dù đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả từ đó đến nay. Nay anh Nguyễn Văn H đề nghị Tòa án giải quyết tuyên bố không công nhận anh H và chị Nguyễn Thị H1 là vợ chồng.

Về con chung: Anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị H1 có 02 con chung là Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 04/8/2001 và Nguyễn Văn H2, sinh ngày 01/3/2009. Đối với Nguyễn Văn Đ đã đủ 18 tuổi nên anh H không có yêu cầu giải quyết. Đối với Nguyễn Văn H2, sinh ngày 01/3/2009, thì theo nguyện vọng của cháu được ở với mẹ nên anh H đồng ý giao Nguyễn Văn H2, sinh ngày 01/3/2009 cho chị Nguyễn Thị H1 được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Nguyễn Văn H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi Nguyễn Văn H2 sinh ngày 01/3/2009 hàng tháng 2.000.000 đồng /tháng kể từ ngày có quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi Nguyễn Văn H1 đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị H1 tự thỏa thuận phân chia nên không yêu cầu giải quyết

Bị đơn chị Nguyễn Thị H1 trình bày:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H1 xác nhận lời trình bày của anh Nguyễn Văn H về thời điểm chung sống, diễn biến quan hệ hôn nhân, mâu thuẫn vợ chồng như anh Nguyễn Văn H trình bày là hoàn toàn đúng sự thật. Chị H1 và anh Nguyễn Văn H1 chung sống với nhau vào năm 2000 tại xã C, huyện K nhưng không có đăng ký kết hôn, hai bên gia đình có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến đầu năm 2022 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do hai bên không hợp nhau trong cuộc sống, bất đồng quan điểm nên hay xảy ra va chạm cãi nhau, mâu thuẫn kéo dài không thể khắc phục mặc dù đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả từ đó đến nay. Nay anh Nguyễn Văn H đề nghị Tòa án giải quyết tuyên bố không công nhận anh H và chị Nguyễn Thị H1 là vợ chồng thì chị H1 cũng đồng ý, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị H1 và anh Nguyễn Văn H có 02 con chung gồm Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 04/8/2001 và Nguyễn Văn H2, sinh ngày 01/3/2009. Đối với Nguyễn Văn Đ đã đủ 18 tuổi nên không có yêu cầu giải quyết. Đối với Nguyễn Văn H, sinh ngày 01/3/2009, thì theo nguyện vọng của cháu được ở với mẹ

nên chị H1 đồng ý giao Nguyễn Văn H2, sinh ngày 01/3/2009 cho chị Nguyễn Thị H1 được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi)

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị H1 đồng ý là anh Nguyễn Văn H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi Nguyễn Văn Hùng sinh ngày 01/3/2009 hàng tháng 2.000.000 đồng /tháng kể từ ngày có quyết định của Toà án có hiệu lực pháp luật cho đến khi Nguyễn Văn H2 đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị H1 và anh Nguyễn Văn H tự thỏa thuận phân chia nên không yêu cầu giải quyết

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Bị đơn có đơn xin xử vắng mặt, nguyên đơn có mặt.

Về đường lối giải quyết: khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 16, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 9/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; các Điều 5, 147, 227, 228, 266, 271 và khoản 1 điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016. Đề nghị: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn H. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị H1. Về con chung: Giao Nguyễn Văn H2, sinh ngày 01/3/2009 cho chị Nguyễn Thị H1 được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi); Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Nguyễn Văn H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi Nguyễn Văn H2 sinh ngày 01/3/2009 hàng tháng 2.000.000 đồng /tháng kể từ ngày có quyết định của Toà án có hiệu lực pháp luật cho đến khi Nguyễn Văn H2 đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị H1 và anh Nguyễn Văn H tự thỏa thuận phân chia nên không yêu cầu giải quyết; Về án phí: anh Nguyễn Văn H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình về việc yêu cầu tuyên bố không công nhận là vợ là chồng giữa anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị H1 cùng cư trú tại thôn C, xã C, huyện K nên tranh chấp trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk

[2]. *Về hôn nhân*: Từ kết quả xác minh và giấy xác nhận của chính quyền địa phương thì trên thực tế, anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị H1 chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2000 có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương nhưng không đăng ký kết hôn, đến năm 2022 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân từ đó đến nay. Việc anh H và chị H1 không thực hiện các quy định của pháp luật khi chung sống với nhau mà không đăng ký kết hôn tại cơ quan chức năng có thẩm quyền là vi phạm pháp luật về hôn nhân và gia đình. Xét đơn khởi kiện của anh Nguyễn Văn H yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh H và chị Nguyễn Thị H1 là có cơ sở. Vì vậy Hội đồng xét xử quyết định không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị H1 là phù hợp với quy định tại Điều 9, Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 9/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

[3]. *Về con chung*: Anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị H1 có 02 con chung là Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 04/8/2001 và Nguyễn Văn H2, sinh ngày 01/3/2009. Đối với Nguyễn Văn Đ đã đủ 18 tuổi nên anh H không có yêu cầu giải quyết. Đối với Nguyễn Văn H2, sinh ngày 01/3/2009, trong quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị H1 thống nhất thoả thuận giao con chung Nguyễn Văn H2, sinh ngày 01/3/2009 cho chị Nguyễn Thị H1 được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) phù hợp với nguyện vọng của con chung, cũng như bảo đảm được lợi ích mọi mặt của con chung nên cần chấp nhận.

[4]. *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị H1 thống nhất thoả thuận, anh Nguyễn Văn H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi Nguyễn Văn H2 sinh ngày 01/3/2009 hàng tháng 2.000.000 đồng /tháng kể từ ngày có quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi Nguyễn Văn H2 đủ 18 tuổi, việc thoả thuận là hoàn toàn tự nguyện phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận

[5]. *Về tài sản chung, công nợ chung*: Anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị H1 tự thoả thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6]. *Về án phí* : Anh Nguyễn Văn H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Các Điều 9, 14, 16, 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Áp dụng Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 9/6/2000 về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000). Các Điều 147, 227, 228, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/016 quy định về mức thu, miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn H. Tuyên bố không công nhận anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị H1 là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Văn H2, sinh ngày 01/3/2009 cho chị Nguyễn Thị H1 được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Đối với Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 04/8/2001 đã trên 18 tuổi nên không xem xét giải quyết.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Nguyễn Văn H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi Nguyễn Văn H2 sinh ngày 01/3/2009 hàng tháng 2.000.000 đồng /tháng kể từ ngày có quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi Nguyễn Văn H2 đủ 18 tuổi.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị H1 tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn H phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tại Biên lai số AA/2023/0006351 ngày 08-8-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Búk; anh Nguyễn Văn H còn phải nộp tiếp số tiền 300.000 đồng.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Krông Búk;
- Chi cục THADS huyện Krông Búk;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Lưu Hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Văn Chinh